

Số: **37** /BC-DT

Bình Định, ngày **02** tháng **12** năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả giám sát chuyên đề “Tình hình thực hiện Chính sách cán bộ người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh từ năm 2018 - 2020”

Thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2021, Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh đã giám sát gián tiếp chuyên đề “*Tình hình thực hiện Chính sách cán bộ người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh từ năm 2018 - 2020*” thông qua báo cáo kết quả thực hiện của các huyện An Lão, Hoài Ân, Vân Canh, Vĩnh Thạnh và Sở Nội vụ; Ban Dân tộc HĐND tỉnh báo cáo kết quả giám sát như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

Toàn tỉnh có 39 dân tộc thiểu số (DTTS) sinh sống, với 10.621 hộ, 41.768 người, chiếm 2,81% dân số toàn tỉnh,

trong đó chủ yếu là 3 dân tộc: Bana có 21.650 người, H'rê có 11.112 người, Chăm có 6.364 người. Đồng bào dân tộc thiểu số sinh tập trung chủ yếu ở 3 huyện miền núi An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh (An Lão có 11.804 người, chiếm 36,3% dân số toàn huyện; Vân Canh có 11.113 người, chiếm 38,24% dân số toàn huyện; Vĩnh Thạnh có 10.469 người, chiếm 29,88% dân số toàn huyện. Ngoài ra, đồng bào DTTS còn sinh sống ở một số xã trên địa bàn huyện Hoài Ân, Tây Sơn, Phù Cát.

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS có vai trò hết sức quan trọng trong hệ thống chính trị, nhất là đối với các huyện miền núi, trung du; họ là những người trực tiếp góp phần đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào đời sống của đồng bào các DTTS, là những hạt nhân tiêu biểu phát huy sức mạnh đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, hiện nay đội ngũ cán bộ, công chức là người DTTS tham gia vào các cơ quan, đơn vị của hệ thống chính trị các cấp còn ít, chưa đảm bảo tỷ lệ theo quy định; năng lực, trình độ chuyên môn, lý luận chính trị còn hạn chế. Để góp phần xây dựng Đảng, chính quyền các cấp vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, cần tiếp tục quan tâm thực hiện chính sách đối với cán bộ là người DTTS; quan tâm tuyển dụng, bố trí, sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình hiện nay.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các văn bản của Đảng, Quốc hội, Chính phủ liên quan đến công

tác dân tộc¹. Các cấp, các ngành đã cụ thể hóa, ban hành nhiều văn bản triển khai thực hiện các chính sách đối với cán bộ, công chức là người DTTS trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII ban hành Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND về Quy định chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo;

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND quy định về chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo (*trong đó ngoài quy định chung, học viên là người DTTS được hỗ trợ thêm 0,2 lần mức lương cơ sở/tháng*) và Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND về Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh (*trong đó người dân tộc thiểu số được cộng 5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2*);

- Huyện ủy An Lão xây dựng Đề án số 02-ĐA/HU về phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo.

2. Kết quả thực hiện

2.1- Về tuyển dụng, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức

Công tác tuyển dụng công chức, viên chức là người DTTS trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện đúng quy định. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực hiện nghiêm túc các quy định về chế độ ưu tiên đối với người DTTS trong thi tuyển và xét tuyển công chức (được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2 trong thi tuyển hoặc xét tuyển công chức, viên chức); thực hiện chính sách xét tuyển công chức đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số được cử đi học theo diện cử tuyển về công tác tại các huyện miền núi theo quy định. Kết quả đã tuyển dụng vào làm công chức 09 trường hợp là người dân tộc thiểu số².

2.2- Về công tác đào tạo, bồi dưỡng

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS, nhất là đối với cấp huyện, cấp xã luôn được quan tâm chú trọng. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành quy định chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, trong đó có chế độ, chính sách ưu tiên đối với cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS được cử đi đào tạo. Từ năm 2018 - 2020, có 11 lượt cán bộ, công chức là người DTTS được tham gia các lớp bồi dưỡng dành cho lãnh đạo cấp sở, cấp huyện, cấp phòng và quản

¹ Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về công tác dân tộc trọng tình hình mới; Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Nghị định 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ; Quyết định 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

² Năm 2019: 06 người, đạt tỷ lệ 2,08% so với tổng số người trúng tuyển; năm 2020: 03 người, tỷ lệ 2,56% so với tổng số người trúng tuyển.

lý nhà nước ngạch chuyên viên chính³; đã tiếp nhận và bàn giao hồ sơ 47 sinh viên tốt nghiệp đại học theo chế độ cử tuyển theo nhu cầu sử dụng của các địa phương.²

2.3- Nâng cao tỉ lệ cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS

- Cấp tỉnh: Có 12 CB,CC là người DTTS /1.202 CB, CC, chiếm tỷ lệ 01% (*Ban Dân tộc tỉnh có 03/16 công chức là người DTTS, chiếm tỷ lệ 18,75%*).

- Cấp huyện: Tính đến năm 2020 trên địa bàn 3 huyện miền núi: An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh có 194 cán bộ, công chức là người DTTS/1900 cán bộ, công chức; chiếm tỷ lệ 10,35%. Cụ thể: An Lão có 77 CB,CC là người DTTS /677 CB, CC, chiếm tỷ lệ 11,37% (*Phòng Dân tộc có ¼ công chức là người DTTS, chiếm tỷ lệ 25%*); Vân Canh có 64 CB,CC là người DTTS /525 CB,CC, chiếm tỷ lệ 12,19% (*Phòng Dân tộc huyện Vân Canh có 2/3 công chức là người DTTS, chiếm tỷ lệ 66,67%*); Vĩnh Thạnh có 53 CB,CC là người DTTS/698 cán bộ, công chức, viên chức, chiếm tỷ lệ 7,59% (*Phòng Dân tộc huyện Vĩnh Thạnh có 3/4 công chức là người DTTS, chiếm tỷ lệ 75%*).

- Cấp xã: Tính đến năm 2020 trên địa bàn 3 huyện An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh và 3 xã Ân Sơn, Đăk Mang, BokTới của huyện Hoài Ân có 268 cán bộ, công chức là người DTTS/564 cán bộ, công chức; chiếm tỷ lệ 50,7%. Cụ thể: An Lão có 121 CB,CC là người DTTS/212 CB, CC, chiếm 57,08%; Vân Canh có 39 CB,CC là người DTTS /133 CB,CC, chiếm tỷ lệ 29,32%; Vĩnh Thạnh có 55 CB,CC là người DTTS /163 CB,CC, chiếm tỷ lệ 33,74%; Hoài Ân có 53 CB,CC là người DTTS/56 CB,CC, chiếm 94,64% (*có phụ lục chi tiết kèm theo*).

Như vậy, trên cơ sở khảo sát thực tế tại các địa phương, đơn vị thì tỷ lệ cán bộ, công chức là người DTTS chưa đảm bảo theo Quyết định 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Việc thực hiện chính sách cán bộ người DTTS từ năm 2018 - 2020 được cấp ủy, chính quyền, các cơ quan, ban, ngành, các địa phương trong tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện mang lại nhiều chuyển biến tích cực:

- Việc cụ thể hóa, triển khai thực hiện các quy định, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS được triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả; góp phần nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS trên địa bàn tỉnh.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã có quan tâm về thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS, trong đó có chính sách đào tạo, bồi dưỡng đã góp phần động viên, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS

³ Lãnh đạo cấp sở: 02 người; lãnh đạo cấp huyện: 04 người; lãnh đạo cấp phòng: 02 người; chuyên viên chính: 03 người.

tích cực tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, chính trị⁴, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS tham gia vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã và phòng dân tộc huyện đạt so với mục tiêu của Quyết định 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ⁵.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1- Tồn tại, hạn chế

- Một số địa phương chưa quan tâm đúng mức đến công tác cử tuyển đối với học sinh là người dân tộc thiểu số, chưa quan tâm bố trí biên chế công chức, viên chức cấp xã là người dân tộc thiểu số để có cơ sở thực hiện việc tiếp nhận và tuyển dụng theo quy định.

- Một số cơ sở chưa quan tâm cử cán bộ, công chức là người DTTS tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về trình độ chuyên môn, chính trị, dẫn đến tình trạng cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu về năng lực của vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nên phải chuyển công tác hoặc nghỉ hưu trước tuổi.

- Nhiều cơ quan, địa phương có tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS chưa đảm bảo tỉ lệ theo quy định của Quyết định 402/QĐ-TTg⁶, cụ thể: Ban Dân tộc tỉnh (18,75%); Phòng Dân tộc huyện An Lão (25%); huyện Vân Canh (12,19%); Vĩnh Thạnh (7,59%), huyện An Lão (11,37%); Thị trấn Vân Canh (11,76%), xã Canh Hiệp (21,05%), Canh Thuận (23,81%); thị trấn Vĩnh Thạnh (5,56%), xã Vĩnh Hào (10,53%)...

- Một bộ phận cán bộ, công chức người DTTS ít chịu khó trong nghiên cứu, học tập, nâng cao năng lực chuyên môn, trình độ chính trị để phục vụ nhiệm vụ được phân công.

2.2- Nguyên nhân

- Nhận thức của một số cấp ủy đảng, chính quyền về vị trí, vai trò đội ngũ cán bộ, công chức là người DTTS trong hệ thống chính trị ở cơ sở chưa thật đầy đủ, sâu

⁴ Theo số liệu của huyện Vân Canh, Vĩnh Thạnh và An Lão: 02/62 thạc sĩ, 56/62 Đại học; 28/62 cao cấp chính trị, 24/62 trung cấp chính trị.

⁵ Đak Mang (Hoài Ân): 100%; An Vinh (An Lão): 90,91%; Xã An Nghĩa (An Lão): 85,71%, Canh Liên (Vân Canh) 76,19%; Vĩnh Sơn (Vĩnh Thạnh) 77,78%; phòng Dân tộc huyện Vân Canh 66,67%; phòng Dân tộc huyện Vĩnh Thạnh 75%;

⁶ Quyết định 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ, quy định:

- Ban Dân tộc cấp tỉnh có tỷ lệ công chức, viên chức người DTTS tối thiểu là 40% tổng số biên chế được giao;

- Huyện có tỷ lệ người DTTS từ 10% đến dưới 30% tổng dân số của huyện: tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS tham gia vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện tối thiểu là 10% tổng số biên chế được giao; huyện có tỷ lệ người DTTS từ 30% đến dưới 50% tổng dân số của huyện: tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS tham gia vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện tối thiểu là 20% tổng số biên chế được giao;

- Phòng Dân tộc cấp huyện có tỷ lệ công chức người DTTS tối thiểu là 50% tổng số biên chế được giao;

- Xã có tỷ lệ người DTTS từ 5% đến dưới 10% tổng dân số của xã: tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã người DTTS phải đạt tối thiểu là 10% tổng số cán bộ, công chức cấp xã; xã có tỷ lệ người DTTS từ 10% đến dưới 30% tổng dân số của xã: tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã người DTTS phải đạt tối thiểu là 15% tổng số cán bộ, công chức cấp xã; xã có tỷ lệ người DTTS từ 30% đến dưới 50% tổng dân số của xã: tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã người DTTS phải đạt tối thiểu là 30% tổng số cán bộ, công chức cấp xã; xã có tỷ lệ người DTTS từ 50% đến dưới 70% tổng dân số của xã: tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã người DTTS phải đạt tối thiểu là 40% tổng số cán bộ, công chức cấp xã; xã có tỷ lệ người DTTS trên 70% tổng dân số của xã: tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã người DTTS phải đạt tối thiểu là 50% tổng số cán bộ, công chức cấp xã.

sắc nên một số quy định về chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS chưa được quan tâm, cụ thể hóa để triển khai thực hiện như: công tác cử tuyển, tuyển dụng, bố trí, sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức là người DTTS, dẫn đến tỷ lệ cán bộ, công chức là người DTTS không đảm bảo theo quy định.

- Một bộ phận cán bộ, công chức là người DTTS còn có tư tưởng ỷ lại, thiếu ý chí phấn đấu, vươn lên; do điều kiện đặc thù trong quá trình học tập, đào tạo, cách sống ... của người dân tộc thiểu số ở địa phương, dù được cộng điểm ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển công chức, viên chức, nhưng khó cạnh tranh được so với các đối tượng khác.

nên dù là đối tượng ưu tiên trong thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, nhưng khó cạnh tranh với các đối tượng khác.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kính đề nghị Tỉnh ủy, Thường trực HĐND, lãnh đạo UBND tỉnh tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa và triển khai thực hiện các văn bản của Đảng, Quốc hội, Chính phủ liên quan đến công tác dân tộc và thực hiện các chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức là người DTTS theo Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trọng tình hình mới, Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Nghị định 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021 - 2030...

2. Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Ban hành văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TU ngày 19/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IX) về “Công tác dân tộc” trên địa bàn tỉnh.

- Sớm ban hành kế hoạch thực hiện Đề án “*phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới*” và xây dựng chính sách đặc thù trong phạm vi thẩm quyền để nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số (theo quy định tại điểm a và b, khoản 7, Mục IV của Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

- Chỉ đạo các địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Đề án vị trí việc làm phải gắn với vị trí việc làm là người DTTS theo quy định tại điểm C, mục 2, điều 3 của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

- Có quy định cụ thể việc thực hiện chính sách cử tuyển gắn với bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp đối với con em đồng bào DTTS trong một số ngành, lĩnh vực phù hợp với yêu cầu của địa phương, cơ sở (theo Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy).

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát chuyên đề “Tình hình thực hiện Chính sách cán bộ người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh từ năm 2018 – 2020”, Ban Dân tộc HĐND tỉnh kính báo cáo Thường trực HĐND tỉnh và kính trình kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2021-2026./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ban DT HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Nội vụ; Ban Dân tộc thuộc UBND tỉnh;
- TT.HĐND và UBND các huyện: VC, VT, AL, HA, TS và PC;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CV.





**BẢNG SỐ LIỆU DÂN SỐ VÀ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC
NGƯỜI NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở ĐỊA PHƯƠNG TỪ NĂM 2018 - 2020**
(Kèm theo Báo cáo số : ~~37~~/BC-DT ngày 02/12/2021 của Ban Dân tộc HDND tỉnh)

DVT: người

STT	Đơn vị hành chính cấp tỉnh, huyện, xã	Dân số				Cán bộ, công chức			
		Tổng dân số	Dân tộc kinh	Dân tộc thiểu số	Tỷ lệ người DTTS/ tổng số dân (%)	Tổng số	Dân tộc kinh	Dân tộc thiểu số	Tỷ lệ người CBCC người DTTS/ tổng số CBCC (%)
A	Huyện An Lão								
I	Năm 2018								
1	Cấp huyện	31.234	19.850	11.384	36,45	655	584	71	10,84
2	Cấp xã					204	88	116	56,86
2.1	Xã An Hòa	12.286	12.265	21	0,17	23	23	0	0,00
2.2	Xã An Tân	4.072	3.932	140	3,44	18	18	0	0,00
2.3	Xã An Quang	1.306	97	1.209	92,57	20	8	12	60,00
2.4	Xã An Nghĩa	722	33	689	95,43	20	3	17	85,00
2.5	Xã An Toàn	913	75	838	91,79	20	5	15	75,00
2.6	Xã An Hưng	1.503	37	1.466	97,54	20	4	16	80,00
2.7	Xã An Vinh	2.000	21	1.979	98,95	19	1	18	94,74
2.8	Xã An Dũng	1.678	37	1.641	97,79	22	3	19	86,36
2.9	Xã An Trung	2.472	125	2.347	94,94	21	6	15	71,43
2.10	Thị trấn An lão	4.282	3.228	1.054	24,61	21	17	4	19,05
II	Năm 2019								
1	Cấp huyện	31.973	20.605	11.638	36,4	664	593	71	10,69
2	Cấp xã					215	90	125	58,14
2.1	Xã An Hòa	12.450	12.416	34	0,27	23	23	0	0,00
2.2	Xã An Tân	4.090	3.939	151	3,69	20	20	0	0,00
2.3	Xã An Quang	1.333	72	1.261	94,60	19	7	12	63,16
2.4	Xã An Nghĩa	736	29	707	96,06	22	2	20	90,91
2.5	Xã An Toàn	935	57	878	93,90	22	7	15	68,18
2.6	Xã An Hưng	1.518	43	1.475	97,17	22	4	18	81,82
2.7	Xã An Vinh	2.024	7	2.017	99,65	22	2	20	90,91
2.8	Xã An Dũng	1.518	43	1.475	97,17	22	2	20	90,91
2.9	Xã An Trung	2.480	102	2.378	95,89	21	6	15	71,43
2.10	Thị trấn An Lão	4.672	3.606	1.066	22,82	22	17	5	22,73
III	Năm 2020								
1	Cấp huyện	32.456	20.652	11.804	36,3	677	600	77	11,37
2	Cấp xã					212	91	121	57,08
2.1	Xã An Hòa	12.637	12.603	34	0,27	23	23	0	0,00
2.2	Xã An Tân	4.255	4.102	153	3,6	20	20	0	0,00
2.3	Xã An Quang	1.346	62	1.284	95,39	20	8	12	60,00
2.4	Xã An Nghĩa	740	26	714	96,49	21	3	18	85,71

I Năm 2018									
1	Cấp huyện	30.335	20.720	9.615	31,70	680	628	52	7,65
2	Cấp xã					164	110	54	32,93
2.1	Xã Vĩnh Sơn	3.318	216	3.102	93,49	17	3	14	82,35
2.2	Xã Vĩnh Kim	1.885	131	1.754	93,05	18	3	15	83,33
2.3	Xã Vĩnh Hào	2.797	2.423	374	13,37	19	17	2	10,53
2.4	Xã Vĩnh Quang	3.807	3.800	7	0,18	19	19	0	0
2.5	Thị trấn Vĩnh Thạnh	6.256	5.504	752	12,02	19	18	1	5,26
2.6	Xã Vĩnh Thuận	1.408	50	1.358	96,45	18	2	16	88,89
2.7	Xã Vĩnh Thịnh	6.188	5.549	639	10,33	18	16	2	11,11
2.8	Xã Vĩnh Hòa	1.659	921	738	44,48	18	16	2	11,11
2.9	Xã Vĩnh Hiệp	3.017	2.126	891	29,53	18	16	2	11,11
II Năm 2019									
1	Cấp huyện	30.606	20.508	10.098	32,99	682	628	54	7,92
2	Cấp xã					165	102	63	38,18
2.1	Xã Vĩnh Sơn	3.320	185	3.135	94,43	17	3	14	82,35
2.2	Xã Vĩnh Kim	2.016	25	1.991	98,76	18	2	16	88,89
2.3	Xã Vĩnh Hào	2.964	2.585	379	12,79	19	17	2	10,53
2.4	Xã Vĩnh Quang	3.809	3.802	7	0,18	20	20	0	0
2.5	Thị trấn Vĩnh Thạnh	6.295	5.534	761	12,09	19	18	1	5,26
2.6	Xã Vĩnh Thuận	1.591	55	1.536	96,54	18	3	15	83,33
2.7	Xã Vĩnh Thịnh	5.835	5.181	654	11,21	18	16	2	11,11
2.8	Xã Vĩnh Hòa	1.706	954	752	44,08	18	7	11	61,11
2.9	Xã Vĩnh Hiệp	3.070	2.187	883	28,76	18	16	2	11,11
III Năm 2020									
1	Cấp huyện	35.036	24.567	10.469	29,88	698	645	53	7,59
2	Cấp xã					163	108	55	33,74
2.1	Xã Vĩnh Sơn	3.605	353	3.252	90,21	18	4	14	77,78
2.2	Xã Vĩnh Kim	2.138	105	2.033	95,09	16	4	12	75,00
2.3	Xã Vĩnh Hào	3.095	2.727	368	11,89	19	17	2	10,53
2.4	Xã Vĩnh Quang	4.920	4.913	7	0,14	19	19	0	0
2.5	Thị trấn Vĩnh Thạnh	6.550	5.726	824	12,58	18	17	1	5,56
2.6	Xã Vĩnh Thuận	1.731	56	1.675	96,76	18	4	14	77,78
2.7	Xã Vĩnh Thịnh	7.161	6.476	685	9,57	18	17	1	5,56
2.8	Xã Vĩnh Hòa	2.154	1.405	749	34,77	17	7	10	58,82
2.9	Xã Vĩnh Hiệp	3.682	2.806	876	23,79	20	19	1	5,00